

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Văn Thù	Chủ tịch
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Phí Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Cường	Thành viên
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phí Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thúy Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Mai	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 11 năm 2018)
Ông Vũ Văn Hường	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3100
C
RÁCH
DE
VII
TNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phù Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số: 907 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 02 tháng 4 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và có lưu ý người đọc báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2018-001-1

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác,
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.297.272.323.450	2.828.395.508.373
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	88.274.606.096	136.539.329.585
1. Tiền	111		57.374.606.096	31.352.129.819
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.900.000.000	105.187.199.766
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.566.303.271.194	2.176.517.546.868
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.566.303.271.194	2.176.517.546.868
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.847.945.886	192.220.676.157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	48.453.455.534	36.129.709.922
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.132.306.145	53.487.592.190
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	48.668.462.760	31.972.403.190
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	104.574.619.318	93.848.216.741
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(48.980.897.871)	(23.217.245.886)
IV. Hàng tồn kho	140	11	474.057.331.464	316.791.773.760
1. Hàng tồn kho	141		483.864.277.144	324.914.752.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.806.945.680)	(8.122.979.122)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.789.168.810	6.326.182.003
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	847.173.047	2.618.781.099
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.941.995.763	3.707.400.904
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.249.720.064.820	1.452.369.790.272
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		82.142.416.230	55.775.613.653
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	80.360.177.170	53.886.578.334
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.782.239.060	1.889.035.319
II. Tài sản cố định	220		145.085.267.994	166.721.155.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	124.362.733.642	145.182.929.479
- Nguyên giá	222		584.106.843.583	580.091.683.915
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(459.744.109.941)	(434.908.754.436)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	20.722.534.352	21.538.225.652
- Nguyên giá	228		45.652.949.258	45.594.949.258
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.930.414.906)	(24.056.723.606)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	158.636.528.056	168.581.834.711
- Nguyên giá	231		218.195.711.457	218.129.209.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(59.559.183.401)	(49.547.374.831)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	17	12.964.894.564	150.074.086.837
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		11.000.000.000	147.363.482.467
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.964.894.564	2.710.604.370
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	834.198.813.649	884.998.284.832
1. Đầu tư vào công ty con	251		373.649.630.474	323.833.507.159
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		453.709.605.017	553.319.168.167
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.233.474.796	28.008.334.175
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.393.896.638)	(20.162.724.669)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.692.144.327	26.218.815.108
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	16.692.144.327	26.218.815.108
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.546.992.388.270	4.280.765.298.645

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦNTòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,
CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	199.229.648.985	390.271.094.000
I. Nợ ngắn hạn	310	187.079.563.127	377.995.533.697
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 18	35.805.244.731	30.150.192.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 19	4.131.690.886	20.928.492.164
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 16	14.881.694.193	180.645.103.772
4. Phải trả người lao động	314	43.577.112.926	22.338.287.159
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 20	6.243.999.354	10.460.977.132
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 21	7.949.591.463	7.566.718.215
7. Phải trả ngắn hạn khác	319 22	43.385.290.217	82.842.636.279
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 23	823.343.896	15.153.610.798
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30.281.595.461	7.909.515.274
II. Nợ dài hạn	330	12.150.085.858	12.275.560.303
1. Phải trả dài hạn khác	337 22	12.150.085.858	11.452.216.405
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 24	-	823.343.898
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.347.762.739.285	3.890.494.204.645
I. Vốn chủ sở hữu	410 25	4.347.050.335.892	3.889.781.801.252
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	30.293.139.240	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	816.757.196.652	389.781.801.252
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	18.978.487.829
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	816.757.196.652	370.803.313.423
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	712.403.393	712.403.393
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	712.403.393	712.403.393
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	4.546.992.388.270	4.280.765.298.645


Cao Văn Tiên
Người lập biểu

Mai Quý Quảng
Phụ trách kế toán


Phí Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác,
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,
 CHXHHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN


Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	759.188.095.265	730.064.172.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		840.410.809	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		758.347.684.456	730.064.172.805
4. Giá vốn hàng bán	11	29	673.012.814.794	634.701.453.743
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		85.334.869.662	95.362.719.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	992.678.345.220	473.277.077.088
7. Chi phí tài chính	22	32	2.922.620.159	13.369.974.840
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.133.333	1.055.315.653
8. Chi phí bán hàng	25	33	30.473.896.472	30.100.642.613
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	167.254.124.175	125.634.154.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		877.362.574.076	399.535.023.817
11. Thu nhập khác	31		767.408.367	1.127.665.683
12. Chi phí khác	32		1.330.741.173	2.995.629.288
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(563.332.806)	(1.867.963.605)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		876.799.241.270	397.667.060.212
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	22.669.984.218	9.283.672.764
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		854.129.257.052	388.383.387.448



Cao Văn Tiến
 Người lập biểu



Mai Quý Quảng
 Phụ trách kế toán




Phí Mạnh Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác,
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	876.799.241.270	397.667.060.212
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36.019.558.654	53.415.038.034
Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	72.787.881.421	34.449.961.627
Lãi từ hoạt động đầu tư	04	(146.134.765)	158.320.367
Chi phí lãi vay	05	(989.552.629.899)	(472.537.580.524)
	06	49.133.333	1.055.315.653
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.042.949.986)	14.208.115.369
Giảm các khoản phải thu (Tăng) hàng tồn kho	09	26.300.749.863	820.695.975
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(65.695.132.704)	(32.655.319.858)
Giảm chi phí trả trước	11	(116.549.445.707)	11.616.873.689
Tiền lãi vay đã trả	12	11.298.278.833	56.492.443
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.508.916.741)	(3.708.552.192)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(13.699.140.268)	(6.947.134.422)
	17	(24.488.642.225)	(19.034.397.037)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(191.385.198.935)	(35.643.226.033)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.474.655.907)	(13.716.191.722)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	52.727.273	4.677.617.425
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.957.007.084.935)	(1.847.359.200.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.524.829.268.465	1.416.671.344.894
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(44.459.665.103)	(43.820.047.373)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	98.550.039.708	814.699.004.665
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	976.038.265.465	452.819.960.710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	593.528.894.966	783.972.488.599

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác,
 Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Khoản nộp về quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp phát sinh từ Cổ phần hóa Tổng Công ty	32	(46.548.893.851)	(528.106.579.783)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.153.610.800)	(37.956.087.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(350.000.000.000)	-
4. Lợi nhuận nộp về ngân sách Nhà nước cho giai đoạn Tổng công ty là doanh nghiệp nhà nước	36	(38.711.648.661)	(119.386.088.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(450.414.153.312)	(685.448.755.823)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(48.270.457.281)	62.880.506.743
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	136.539.329.585	73.633.521.707
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.733.792	25.301.135
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	88.274.606.096	136.539.329.585



Cao Văn Tiến
 Người lập biểu



Mai Quý Quảng
 Phụ trách kế toán




Phí Mạnh Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này